

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Đề án giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 3776/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Đề án giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 3964/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian thực hiện Đề án giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 584/SNN-KL ngày 22/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Đề án giao rừng gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2024, như sau:

1. Tổng diện tích giao năm 2024: 34.172,566 ha, trong đó:

a) Giao rừng trên đất lâm nghiệp đã giao hoặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp: 5.896,450 ha.

b) Giao rừng đồng thời gắn với giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (giao lần đầu): 28.276,116 ha.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Được bố trí từ ngân sách tỉnh theo Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chi cục Kiểm lâm tổ chức triển khai thực hiện, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông và Quế Phong; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Tổ trưởng Tổ công tác giao rừng gắn giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, N.Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ BIỂU: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAO RỪNG, GẮN VỚI GIAO ĐẤT VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Hạng mục giao phân chia theo loại đất, loại rừng	Khối lượng (ha)
	Tổng cộng toàn tỉnh	<u>34.172,566</u>
1	Giao rừng trên đất đã giao hoặc đã cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (chỉ thực hiện giao rừng)	5.896,450
1.1	Rừng tự nhiên	5.896,450
1.2	Rừng trồng	0,000
2	Giao rừng đồng thời gắn với giao đất, cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (giao lần đầu)	28.276,116
2.1	Rừng tự nhiên	27.134,913
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	16.791,860
-	Giao cho cộng đồng dân cư (không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	10.343,053
2.2	Rừng trồng và đất trống xen kẽ (nếu có)	1.141,204
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	450,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	691,204
	<u>Chi tiết tại 04 huyện như sau:</u>	
I	Huyện Kỳ Sơn	6.399,703
1	Giao rừng trên đất đã giao hoặc đã cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (chỉ thực hiện giao rừng)	0,000
1.1	Rừng tự nhiên	0,000
1.2	Rừng trồng	0,000
2	Giao rừng đồng thời gắn với giao đất, cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (giao lần đầu)	6.399,703
2.1	Rừng tự nhiên	6.399,703
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	4.500,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	1.899,703
2.2	Rừng trồng và đất trống xen kẽ (nếu có)	0,000
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	0,000

TT	Hạng mục giao phân chia theo loại đất, loại rừng	Khối lượng (ha)
-	Giao cho cộng đồng dân cư (<i>không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	0,000
II	Huyện Tương Dương	15.486,201
1	Giao rừng trên đất đã giao hoặc đã cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (chỉ thực hiện giao rừng)	0,000
1.1	Rừng tự nhiên	0,000
1.2	Rừng trồng	0,000
2	Giao rừng đồng thời gắn với giao đất, cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (giao lần đầu)	15.486,201
2.1	Rừng tự nhiên	14.436,201
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (<i>có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	6.441,860
-	Giao cho cộng đồng dân cư (<i>không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	7.994,341
2.2	Rừng trồng và đất trồng xen kẽ (nếu có)	1.050,000
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (<i>có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	450,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (<i>không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	600,000
III	Huyện Con Cuông	1.487,654
1	Giao rừng trên đất đã giao hoặc đã cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (chỉ thực hiện giao rừng)	1.396,450
1.1	Rừng tự nhiên	1.396,450
1.2	Rừng trồng	0,000
2	Giao rừng đồng thời gắn với giao đất, cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (giao lần đầu)	91,204
2.1	Rừng tự nhiên	0,000
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (<i>có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	0,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (<i>không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	0,000
2.2	Rừng trồng và đất trồng xen kẽ (nếu có)	91,204
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (<i>có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	0,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (<i>không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp</i>)	91,204
IV	Huyện Quế Phong	10.799,008
1	Giao rừng trên đất đã giao hoặc đã cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (chỉ thực hiện giao rừng)	4.500,000
1.1	Rừng tự nhiên	4.500,000
1.2	Rừng trồng	0,000

TT	Hạng mục giao phân chia theo loại đất, loại rừng	Khối lượng (ha)
2	Giao rừng đồng thời gắn với giao đất, cấp GCN-QSDD lâm nghiệp (giao lần đầu)	6.299,008
2.1	Rừng tự nhiên	6.299,008
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	5.850,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	449,008
2.2	Rừng trồng và đất trồng xen kẽ (nếu có)	0,000
-	Giao cho hộ gia đình, cá nhân (có cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	0,000
-	Giao cho cộng đồng dân cư (không cấp GCN-QSDD lâm nghiệp)	0,000

